

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1574/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Khanh;

Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 661/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Long Th, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 153 đường Phan Đình Ph, phường Quang V, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N.

Bị đơn: Bà Châu Phương Th, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 67/82A đường Nguyễn Thị T, khu phố X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của ông Phạm Long Th và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

* *Nguyên đơn ông Phạm Long Th trình bày:* Ông Th và bà T không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, cấp ngày 14/01/2015 của Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi hai bên đăng ký kết hôn thì bà T tỏ ra coi thường ông Th và có nhiều điều gian dối nên ông Th quyết định không tổ chức đám cưới. Sau khi đăng ký kết hôn, bà T vẫn sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng bà T có về nhà ông Th ở Đồng Nai vào buổi tối và ở lại, mỗi tháng ông Th và bà T gặp nhau khoảng 01 lần. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau về tính tình, đã nộp đơn tại Tòa án và cho thời gian để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thể hàn gắn gia đình được.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Long Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Châu Phương Th.

- Về con chung: Ông Th trình bày không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th trình bày không có.

* *Bị đơn là bà Châu Phương Th trình bày:* bà T và ông Th có quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian từ năm 2014, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, cấp ngày 14/01/2015 của Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến nay chưa có phát sinh mâu thuẫn gì trong cuộc sống, ông Th cố ý không tổ chức đám cưới và cho bà T đi học đạo Thiên chúa. Ông Th nộp đơn ly hôn là do ông Th có phát sinh tình cảm với người khác. Từ ngày 16/12/2019 thì ông Th thuê người đánh đập, lăng mạ, sỉ nhục bà T và mẹ ruột bà T nên hai bên không sống chung với nhau từ đó đến nay. Hạnh phúc gia đình bà T và ông Th bị ảnh hưởng nghiêm trọng là do quan hệ trai gái không đúng giữa ông Th và người khác, do hành vi, lời nói đe dọa có tính côn đồ của ông Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Phương Th không đồng ý ly hôn với ông Phạm Long Th do bà T còn tình cảm với ông Th, mâu thuẫn gia đình không có gì nghiêm trọng.

- Về con chung: Bà Châu Phương Th trình bày không có.

- Về tài sản chung: Bà Châu Phương Th yêu cầu hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà T trình bày không có.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Long Th có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bà Châu Phương Th vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Long Th

đối với bà Châu Phương Th; Về con chung không có. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận; Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Phạm Long Th và bà Châu Phương Th có đăng ký kết hôn, ông Th có yêu cầu xin ly hôn với bà T nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Châu Phương Th cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn là bà Châu Phương Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, cấp ngày 14/01/2015 của Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cùng lời khai của các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông Th và bà T là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Th có yêu cầu ly hôn với bà T vì giữa ông Th và bà T trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Sau khi đăng ký kết hôn, bà T sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Th ở Đồng Nai, ông Th cũng đã nộp đơn tại Tòa án và có cho thời gian để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thể hàn gắn gia đình được. Bà T có nộp một số hình ảnh cho rằng ông Th có phát sinh tình cảm với người khác và thuê người đánh đập, lăng mạ, sỉ nhục bà T và mẹ ruột bà T, nên hai bên sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T không có mặt để trình bày bảo vệ yêu cầu của mình, cho thấy bà T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này và không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Từ những căn cứ trên cho thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà T đã diễn ra trầm trọng, không có khả năng hàn gắn gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông Th yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông Th và bà T trình bày không có.

- Về tài sản chung: Ông Th trình bày không có. Bà T trình bày hai bên tự thỏa thuận. Ông Phạm Long Th và bà Châu Phương Th không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Ông Th và bà T trình bày không có.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Ông Phạm Long Th phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Long Th đối với bà Châu Phương Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, cấp ngày 14/01/2015 của Ủy ban nhân dân phường Quang V, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Ông Phạm Long Th và bà Châu Phương Th trình bày không có.

3. *Về tài sản chung*: Ông Phạm Long Th trình bày không có. Bà Châu Phương Th trình bày hai bên tự thỏa thuận. Ông Phạm Long Th và bà Châu Phương Th không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác*: Ông Phạm Long Th và bà Châu Phương Th trình bày không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Phạm Long Th phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Th đã nộp theo biên lai thu số 035516 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị*: Ông Phạm Long Th và bà Châu Phương Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hải